

**UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số: /SKHCN-KHTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

V/v tuyên truyền, triển khai thực hiện
các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ
và vừa.

Kính gửi:

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh Thanh Hóa;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Thanh Hóa;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thanh Hóa;
- UBND các xã, phường;
- Các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng tại Công văn số 5161/VPCP-ĐMDN ngày 10/6/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) và Công văn số 9163/UBND-THĐT ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa về thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2026; Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn ngân sách trung ương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị quý cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phối hợp tuyên truyền và tham gia triển khai các nội dung trọng tâm sau:

I. Chính sách hỗ trợ giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai

1.1. Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy

trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.2. Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số

Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.3. Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.4. Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Căn cứ: Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.5. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.6. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.7. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.8. Hỗ trợ công nghệ

Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Căn cứ: Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.9. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 5 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 50 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.10. Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

- Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế; các sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học; thông tin kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo tại Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;

- Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 30 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

Căn cứ: Khoản 6 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

1.11. Hỗ trợ kinh phí tư vấn chuyển đổi số và áp dụng công nghệ số

- Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 55 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 110 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 01 hợp đồng/năm.

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 22 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 55 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 110 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa. Mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 01 hợp đồng/năm.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 214/2022/NQ-HĐND.

II. Đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện

2.1. UBND cấp xã/phường

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến tới các DNNVV trên địa bàn quản lý thông qua nhiều kênh khác nhau nhằm nâng cao nhận thức, tạo điều kiện tiếp cận chính sách (hệ thống truyền thanh, sinh hoạt tổ dân phố, các buổi tiếp xúc doanh nghiệp tại địa phương,).

- Tổng hợp danh sách doanh nghiệp tiềm năng trên địa bàn, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ.

- Chỉ đạo công chức văn phòng - thống kê hoặc bộ phận tiếp nhận - trả kết quả hành chính tại UBND cấp xã/phường chủ động nắm bắt, hướng dẫn sơ bộ cho doanh nghiệp khi có nhu cầu tiếp cận chính sách hỗ trợ.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương (Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh...) để phát hiện, giới thiệu các mô hình sản xuất kinh doanh tiêu biểu có tiềm năng chuyển đổi lên doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, nắm bắt tình hình triển khai, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách tại cơ sở; kịp thời tổng hợp và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo UBND tỉnh.

2.2. Các hội, hiệp hội

- Chủ động tổ chức tuyên truyền chính sách đến hội viên bằng các hình thức phù hợp (hội nghị, hội thảo, bản tin nội bộ, mạng xã hội, tài liệu truyền thông...).

- Hướng dẫn doanh nghiệp hội viên chuẩn bị hồ sơ, xác định nội dung phù hợp, kết nối với đầu mối tiếp nhận của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Chủ động đề xuất các sáng kiến, mô hình liên kết hỗ trợ hội viên tiếp cận chính sách một cách hiệu quả (ví dụ: tổ chức tư vấn tại hội, chương trình huấn luyện ngắn hạn, điểm tư vấn tại cơ sở...).

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc rà soát, cập nhật thông tin doanh nghiệp thuộc hội có khả năng đáp ứng tiêu chí thụ hưởng chính sách ưu đãi để xây dựng danh mục hỗ trợ trọng điểm.

- Phối hợp phản ánh các bất cập trong quá trình triển khai thực tế, tổng hợp khó khăn, vướng mắc từ doanh nghiệp hội viên; gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2.3. Các doanh nghiệp

- Chủ động nghiên cứu các nội dung hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn hiện hành.

- Đăng ký tham gia chính sách ưu đãi đúng đối tượng, đúng trình tự thủ tục, thông qua đầu mối tiếp nhận của Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn quy định.

- Chủ động tham gia các hoạt động tư vấn, tập huấn, kết nối do Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các hội, hiệp hội tổ chức nhằm nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển bền vững.

- Bố trí nhân sự đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, tiếp cận thông tin chính sách, đảm bảo phối hợp kịp thời với cơ quan nhà nước và tổ chức hỗ trợ trong quá trình triển khai thực hiện.

- Thường xuyên phản ánh các vướng mắc, khó khăn trong quá trình tiếp cận, triển khai chính sách; gửi thông tin về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét tháo gỡ.

III. Thông tin liên hệ và đầu mối tư vấn hồ sơ

Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, Đại lộ Nam Sông Mã - Phố Ái Sơn 2 - Phường Hạc Thành.

Số điện thoại: 02373.852590.

(Có các văn bản, tài liệu kèm theo).

Rất mong sự phối hợp của quý cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp để chính sách hỗ trợ DNNVV phát huy hiệu quả thiết thực./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng Quản lý Chuyên ngành và SHTT (để đăng Website);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (để tuyên truyền, tổ chức thực hiện);
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Trần Duy Bình